TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88 /2019/HNGĐ – ST
Ngày: 22/11/2019
V/v " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng
Ông Nguyễn Đăng Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 300/HNGĐ-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 38/2019/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1998 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Minh M, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh P .

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2019 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Minh M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, đến năm 2016 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh P, thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh M không lo lắng cho gia đình, chơi bời lêu lổng, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát lẫn nhau; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên từ tháng 8 năm 2018 chị T đã sống ly thân với anh M liên tục đến nay. Hiện nay, chị T nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, không khắc phục được mâu thuẫn; mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 20/01/2016. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi cháu thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân; trích lục kết hôn; ngoài ra không giao nộp gì thêm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, qua bản tự khai anh Hoàng Minh M trình bày: Anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, đến năm 2016 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh P, thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do thường xảy ra cãi vã, chị T có quen biết với người đàn ông khác; tuy nhiên nay anh M còn thương vợ và con còn nhỏ nên anh muốn được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 20/01/2016 nếu chị T cương quyết ly hôn anh M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; không cấp dưỡng nuôi con; ngoài ra anh M không trình bày ý kiến gì thêm; không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hòang Thị T và anh Hoàng Minh M tự nguyện chung sống từ năm 2015, đến năm 2016 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh P; phù hợp với bản trích lục kết hôn mà chị T giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Minh M là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Qua lời khai của chị T và anh M đều khẳng định vợ chồng anh, chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, không có sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm; sống ly thần kéo dài, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mâu thuẫn gia đình chị T và anh M là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị T.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 20/01/2016 . Sau khi ly hôn cả chị T và anh M đều có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, cháu Anh hiện còn nhỏ mới hơn 03 tuổi, cần thiết phải có sự chăm sóc chu đáo, cẩn thận; hơn nữa cháu Anh là con gái để cháu có được sự phát triển tốt nhất về tâm sinh lý giới tính trong tương lai thì cần thiết giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn; trong thời gian chị T và anh M sống ly thân thì cháu Anh chung sống với mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cháu Hoàng A, sinh ngày 20/01/2016 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, cho đến khi cháu thành niên.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vàoNghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Minh M.

[2] Về con chung: Giao cháu Hoàng A, sinh ngày 20/01/2016 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; cho đến khi cháu Hoàng A thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009583, ngày 19/7/2019.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự, UB xã Đ
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thùy Linh